

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẬU LỘC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH THANH HÓA Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2023/HSST

Ngày 10/8/2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẬU LỘC, TỈNH THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Nam Văn

Ông Trịnh Công Kiều

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Mỹ Dung - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hậu Lộc tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 41/2023/HSST ngày 14 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2023/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 7 năm 2023 đối với:

Bị cáo: Trương Văn Th, sinh ngày 04/12/1987 tại Thanh Hóa; Nơi cư trú: Khu T, thị trấn L, huyện L, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn Ngh và bà Hoàng Thị Ngh có vợ là Nguyễn Thị H (đã ly hôn) và 03 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2020; Tiền án: không; Tiền sự: Ngày 20/6/2022, bị Công an thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa ra Quyết định xử phạt hành chính số tiền 6.500.000đ về hành vi Cố ý gây thương tích, đến ngày 04/01/2023 đã nộp phạt xong. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/4/2023 đến ngày 11/4/2023 chuyển thành tạm giam cho đến ngày 03/7/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. “Có mặt”.

Nhân thân: Ngày 22/4/2011 bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt 30 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; Ngày 18/9/2013 bị Công an huyện Hậu Lộc xử phạt hành chính về hành vi Cố ý gây thương tích.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Đỗ Hữu C, sinh năm 1990. Vắng mặt

Địa chỉ: thôn Th 2, xã L, huyện L, tỉnh Thanh Hóa

2. Anh Phạm Văn H, sinh năm 1991. Có mặt

Địa chỉ: thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Thanh Hóa

3. Chị Trần Thị L, sinh năm 1991. Vắng mặt

Địa chỉ: thôn Y, xã L, huyện L, tỉnh Thanh Hóa

4. Anh Phạm Văn Nh, sinh năm 1994. Vắng mặt

Địa chỉ: thôn H, xã L, huyện L, tỉnh Thanh Hóa

5. Chị Bùi Thị Ch, sinh năm 1991. Vắng mặt

Địa chỉ: thôn H, xã L, huyện L, tỉnh Thanh Hóa

6. Anh Trương Nho Tr, sinh năm 1987. Vắng mặt

Địa chỉ: khu Th, thị trấn L, huyện L, tỉnh Thanh Hóa

- **Người làm chứng:** Anh Vũ Văn Th, sinh năm 1990. Vắng mặt

Địa chỉ: thôn Ph, xã L, huyện L, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 9/2020 đến hết tháng 3/2023, Trương Văn Th nhận thấy việc cho vay tiền thu được nhiều lợi nhuận nên đã cho nhiều người trên địa bàn huyện Hậu Lộc vay tiền với lãi suất cao từ 117%/ năm đến 180%/ năm gấp 5,87 lần đến 09 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Khi có người vay tiền, Th đã đưa cho người vay tiền tờ giấy A4 để người vay tự viết các thông tin cá nhân, số tiền vay, ký nhận tiền vay nhưng trong giấy vay tiền không có mức lãi suất và Th giữ giấy vay tiền. Khi cho vay tiền, Th đưa tiền mặt hoặc chuyển khoản. Quá trình cho vay tiền, Th thu tiền lãi theo tháng, không giới hạn thời gian vay và liên lạc nhắc đóng lãi, nhận tiền lãi từ người vay bằng tiền mặt hoặc nhận chuyển khoản qua số tài khoản 101867579551 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam và số tài khoản 87667788 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu đều mang tên Trương Văn Th.

Quá trình điều tra đã xác định được những người vay tiền, cụ thể:

1. Anh Đỗ Hữu C (sinh năm: 1990, trú tại thôn Th 2, xã L, huyện L, tỉnh Thanh Hóa):

Tháng 9/2020, anh C vay số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) của Trương Văn Th với lãi suất là 5.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ ngày, tương ứng với 2.250.000 đồng/ 01 tháng tương đương mức lãi suất 180%/ 01 năm gấp 09 lần theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Do khó khăn nên anh C chỉ đóng được lãi 11 tháng với số tiền là 24.750.000 đồng (hai mươi tư triệu bảy trăm năm mươi nghìn

đồng). Tính từ tháng 9/2020 đến hết tháng 3/2023 (là thời điểm ngăn chặn) là 30 tháng, tổng số tiền Th nhằm thu lãi suất đối với khoản vay của anh C là 67.500.000 đồng (sáu mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng); số tiền lãi được thu theo quy định trong 11 tháng là 2.750.000 đồng (hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), trong 30 tháng là 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Như vậy, số tiền thu lời bất chính Th đã thu của anh C trong 11 tháng là 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng); số tiền nhằm thu lời bất chính trong 30 tháng là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng). Anh C chưa trả tiền gốc cho Th.

2. Anh Phạm Văn H (sinh năm: 1991, trú tại thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Thanh Hóa):

Tháng 9/2020, anh H vay số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) của Trương Văn Th với lãi suất là 5.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ ngày, tương ứng với 1.500.000 đồng/ 01 tháng tương đương mức lãi suất 180%/ 01 năm gấp 09 lần theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, trả tiền gốc vào tháng 3/2022 (không tính lãi tháng 3/2022). Quá trình vay tiền, anh H đã đóng được 07 tháng lãi cho Th với số tiền là 10.500.000 đồng (mười triệu năm trăm nghìn đồng). Tính từ tháng 9/2020 đến tháng 3/2022 thời hạn là 18 tháng, tổng số tiền Th nhằm thu lãi suất đối với khoản vay của anh H là 27.000.000 đồng (hai mươi bảy triệu đồng); số tiền lãi được thu theo quy định trong 07 tháng là 1.166.666,67 đồng (một triệu một trăm sáu sáu nghìn sáu trăm sáu sáu sáu phẩy sáu bảy đồng), trong 18 tháng là 3.000.000 đồng (ba triệu triệu đồng).

Như vậy, số tiền thu lời bất chính Th đã thu của anh H trong 07 tháng là 9.333.333,33 đồng (chín triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba phẩy ba ba đồng); số tiền nhằm thu lời bất chính trong 18 tháng là 24.000.000 đồng (hai tư triệu đồng). Anh H đã trả tiền gốc cho Th.

3. Chị Trần Thị L (sinh năm: 1991, trú tại thôn Xuân Yên, xã Phú Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa):

Tháng 02/2021, chị L vay số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) của Trương Văn Th với lãi suất 5.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ ngày, tương ứng với 1.500.000 đồng/ 01 tháng tương đương mức lãi suất 180%/ 01 năm gấp 09 lần theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Tính từ tháng 3/2021 đến hết tháng 3/2023 thời hạn là 25 tháng, tổng số tiền Th nhằm thu lãi suất đối với khoản vay của chị L là 37.500.000 đồng (ba bảy triệu năm trăm nghìn đồng); chị L đã đóng lãi cho Th 16 tháng với số tiền là 24.000.000 đồng; số tiền lãi được thu theo quy định trong 16 tháng là 2.666.666,67 đồng (hai triệu sáu trăm sáu sáu nghìn sáu trăm sáu sáu phẩy sáu bảy đồng), trong 25 tháng là 4.166.666,67 đồng (bốn triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu phẩy sáu bảy đồng).

Như vậy, số tiền thu lời bất chính Th đã thu của chị L trong 16 tháng là 21.333.333,33 đồng (hai mươi một triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba phẩy ba ba đồng); số tiền nhằm thu lời bất chính trong 25 tháng là 33.333.333,33 đồng (ba mươi ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba phẩy ba ba đồng). Chị L chưa trả tiền gốc cho Th.

4. Anh Phạm Văn Nh (sinh năm: 1994, trú tại thôn Nam Huân, xã Hòa Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa):

Ngày 02/5/2021, anh Nh vay số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) của Trương Văn Th với lãi suất 5.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ ngày, tương ứng với 3.000.000 đồng/ 01 tháng tương đương mức lãi suất 180%/ 01 năm gấp 09 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Tháng 06 và tháng 7/2021, anh Nh trả tiền lãi qua tài khoản cho Th, tháng 8/2021 do khó khăn nên anh Nh xin Th miễn đóng lãi, đến khoảng tháng 9/2021 anh Nh đã trả tiền gốc cho Th. Tổng số tiền lãi anh Nh đã trả cho Th trong 03 tháng là 9.000.000 đồng (chín triệu đồng). Tính từ tháng 5/2021 đến tháng hết tháng 8/2021 (do tháng 9/2021 anh Nh đã trả lại tiền gốc) thời hạn vay là 4 tháng Th nhằm thu lãi của anh Nh là 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng). Số tiền được thu theo quy định trong 03 tháng là 1.000.000 đồng; số tiền được thu theo quy định trong 04 tháng là 1.333.333,33 (một triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba phẩy ba ba đồng).

Như vậy, số tiền thu lời bất chính Th đã thu của anh Nh trong 03 tháng là 8.000.000 đồng (tám triệu đồng); số tiền nhằm thu lời bất chính trong 04 tháng là 10.666.666,67 đồng (mười triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu phẩy sáu bảy đồng). Anh Nh đã trả hết tiền gốc cho Th.

5. Chị Bùi Thị Ch (sinh năm: 1991, trú tại thôn Hòa Hải, xã Hòa Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa):

Tháng 6/2021, chị Ch vay số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) của Trương Văn Th với lãi suất là 5.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ ngày, tương ứng với 2.250.000 đồng/ 01 tháng tương đương mức lãi suất 180%/ 01 năm gấp 09 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Hàng tháng chị Ch đóng lãi đều cho Th qua tài khoản, tính từ khi vay đến nay. Tính từ tháng 6/2021 đến tháng hết tháng 3/2023 thời hạn là 21 tháng, Th đã thu của chị Ch 20 tháng lãi với tổng số tiền là 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng). Số tiền lãi được thu theo quy định trong 20 tháng là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng); số tiền lãi được thu trong 21 tháng là 5.250.000 (năm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Như vậy, số tiền thu lời bất chính Th đã thu của chị Ch trong 20 tháng là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng); số tiền nhằm thu lời bất chính trong 21 tháng là 42.000.000 đồng (bốn mươi bốn triệu đồng). Chị Ch chưa trả tiền gốc cho

Th.

6. Anh Trương Nho T (sinh năm: 1987, trú tại khu Trung Thành, thị trấn Hậu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa):

Tháng 10/2021, anh Tr vay số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) của Trương Văn Th với lãi suất là 5.000.000 đồng/ 01 tháng tương ứng mức lãi suất 117%/ năm gấp 5,87 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Từ tháng 10/2021 đến tháng 3/2021 thời hạn là 17 tháng anh Tr đã trả lãi cho Th 09 tháng với số tiền là 44.000.000 đồng. Số tiền lãi được thu theo quy định trong 09 tháng là 7.500.000 (bảy triệu năm trăm nghìn đồng); số tiền lãi được thu trong 17 tháng là 14.166.667 đồng (mười bốn triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

Như vậy, số tiền thu lời bất chính Th đã thu của anh Tr trong 09 tháng là 36.500.000 đồng (ba mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng); số tiền nhằm thu lời bất chính trong 17 tháng là 70.833.333 đồng (bảy mươi bảy triệu tám trăm tám mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng). Anh Tr chưa trả tiền gốc cho Th.

Tổng số tiền gốc Trương Văn Th cho 06 người vay là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng); tổng số tiền lãi Th đã thu của 06 người vay là 157.250.000 (một trăm năm mươi bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tương ứng mức lãi suất từ 117% đến 180%/ 01 năm gấp từ 5,87 lần đến 09 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Số tiền thu lời bất chính Trương Văn Th nhằm thu (số tiền lãi nhằm thu vì lý do ngoài ý muốn mà Th chưa thu được) là 240.833.333,33 đồng (hai trăm bốn mươi triệu tám trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba phẩy ba ba đồng). Th đã thu lại tiền gốc của anh Phạm Văn Nh và anh Phạm Văn H tổng số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), Chị Trần Thị L nợ lại tiền gốc 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), anh Đỗ Hữu C còn nợ lại tiền gốc 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), anh Trương Như T còn nợ lại tiền gốc 50.000.000 (năm mươi triệu đồng) và chị Bùi Thị Ch còn nợ lại số tiền 15.000.000 đồng.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hậu Lộc, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Về vật chứng của vụ án: Đối với 05 (năm) tập phong bì đựng tài liệu; 01 (một) cây máy tính màu đen, mặt trước có dòng chữ ORIENT SMART; 01 (một) ổ cứng màu đen, có ký hiệu dòng chữ KBVISION; 01 (một) máy tính Laptop màu đen, có ký hiệu dòng chữ TOSHIBA; 01 (một) điện thoại Iphone 12 Promax màu vàng, dung lượng 128GB, bên trong lắp sim số 0977704666 và số 0912343236; 01 (một) điện thoại hiệu Vertu màu vàng đen, bên trong lắp sim số 0928628020; 01 (một) điện thoại Iphone X, màu trắng; 01 (một) USB màu xanh, dung lượng 4GB và

01 (một) USB màu đen, dung lượng 8GB thu giữ trong quá trình khám xét chỗ ở của Trương Văn Th. Quá trình điều tra đã xác định được không liên quan đến vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hậu Lộc đã trả lại cho bị cáo.

Đối với các giấy tờ, tài liệu có liên quan đến hoạt động cho vay lãi nặng, quá trình điều tra, Trương Văn Th khai đã đốt và tiêu hủy vào giữa năm 2022 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hậu Lộc không thu giữ được.

Quá trình điều tra bị cáo Trương Văn Th khai nhận: số tiền dùng để cho các người liên quan vay nợ ban đầu là 120.000.000 đồng, Còn khoản tiền lãi thu được dùng để chi tiêu cá nhân.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trương Văn Th đã khai nhận toàn bộ hành vi đúng như nêu trên phù hợp với tài liệu chứng cứ và lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng có trong hồ sơ vụ án. Th đã thu lại tiền gốc của anh Phạm Văn Nh và anh Phạm Văn H tổng số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), Chị Trần Thị L nợ lại tiền gốc 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), anh Đỗ Hữu C còn nợ lại tiền gốc 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), anh Trương Như T còn nợ lại tiền gốc 50.000.000 (năm mươi triệu đồng) và chị Bùi Thị Ch còn nợ lại số tiền 15.000.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 45/CT-VKSHH ngày 13/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hậu Lộc truy tố bị cáo Trương Văn Th về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 BLHS; Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 và khoản 3 Điều 201, điểm s khoản 1 và khoản 2, Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Bộ luật hình sự, xử bị cáo Trương Văn Th về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, với mức hình phạt từ 06 đến 09 tháng tù. Phạt bổ sung bằng tiền từ 30 triệu đến 40 triệu đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị truy thu để sung quỹ nhà nước của bị cáo và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan số tiền làm phương tiện phạm tội là 120.000.000 đồng gồm: Trương Văn Th là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng); chị Trần Thị L là 10.000.000đ (mười triệu đồng), anh Đỗ Hữu C là 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng), anh Trương Như T là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và chị Bùi Thị Ch là 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) và đề nghị truy thu của bị cáo Trương Văn Th số tiền hưởng lợi từ việc phạm tội là khoản tiền lãi từ 20%; đề nghị buộc bị cáo phải trả lại cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khoản tiền thu lãi vượt quá quy định (trên 20%) trừ những người không yêu cầu là anh Trương Nho T và anh Phạm Văn H.

Về án phí: Đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại lời nói sau cùng bị cáo có ý kiến xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình

phạt vì bị cáo đã rất ăn năn hối hận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

- Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hậu Lộc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hậu Lộc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về việc vắng mặt của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngày 31/7/2023 Tòa án mở phiên tòa nhưng vắng mặt anh Trương Nho T; chị Bùi Thị Ch; anh Phạm Văn Nh; chị Trần Thị L và anh Đỗ Hữu C. Tòa án hoãn phiên tòa và ấn định thời gian xét xử lại vụ án và đã xác minh, tổng đạt hợp lệ cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nhưng tại phiên tòa hôm nay vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vắng mặt họ.

[2] Bị cáo Trương Văn Th là người có năng lực hành vi dân sự nhưng vì động cơ vụ lợi đã cố tình thực hiện hành vi cho 06 người vay lãi nặng, tổng số tiền lãi Th đã thu của 06 người vay là 157.250.000 (một trăm năm mươi bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tương ứng mức lãi suất từ 117% đến 180%/ 01 năm gấp từ 5,87 lần đến 09 lần so với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. từ từ 5,87 lần đến 09 lần mức quy định lãi suất tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự quy định. Bị cáo Trương Văn Th đã thu lãi vượt quá quy định là 137.166.666 đồng. Như vậy xác định số tiền phạm tội của bị cáo Trương Văn Th là 240.833.333,33 đồng (hai trăm bốn mươi triệu tám trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba phẩy ba ba đồng).

Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, lời khai người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Trương Văn Th đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự;

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi:

Các bị cáo dùng tiền của mình để thực hiện hoạt động kinh doanh tiền tệ thu lãi bất hợp pháp, vì vậy đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ; xâm phạm đến lợi ích của công dân. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến các quan hệ được pháp luật hình sự

bảo vệ. Do đó cần đưa ra cho bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi để giáo dục bị cáo và giáo dục chung cho xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo cho 06 người vay lãi nặng vào các thời điểm khác nhau mỗi lần bị cáo cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên đều vượt quá 05 lần trở lên với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự vì vậy bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đang nuôi con, cấp dưỡng cho ba con đang còn nhỏ, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình, có bố mẹ già được chính quyền địa phương xác nhận. Do đó áp dụng quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2, Điều 51 BLHS để lượng giảm cho bị cáo một phần hình phạt thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật nhà nước ta.

Trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi và nhân thân người phạm tội nhận thấy, hành vi phạm tội của bị cáo Trương Văn Th là nguy hiểm cho xã hội, vì vậy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe giáo dục bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo thực hiện hành vi cho vay lãi nặng nhằm mục đích thu lời nên cần áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo;

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với khoản tiền lãi trên 20%/năm là tiền các bị cáo thu lời bất chính của người vay nên buộc bị cáo phải trả lại cho các người vay trừ những người không yêu cầu. Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì chị Bùi Thị Ch; anh Phạm Văn Nh; chị Trần Thị L và anh Đỗ Hữu C đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật; Riêng anh Trương Nho T và anh Phạm Văn H không đề nghị đối với khoản tiền lãi đã trả cho bị cáo Th nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Bị cáo Th xác nhận ban đầu chỉ sử dụng số tiền 120.000.000 đồng làm vốn cho vay lãi nặng, quá trình cho vay bị cáo đã thu nợ gốc anh Phạm Văn Nh và anh Phạm Văn H tổng số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) nên truy thu của bị cáo Trương Văn Th số tiền dùng làm phương tiện phạm tội là 30.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước. Đối với số tiền nợ gốc còn lại mà những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa trả cho Th gồm chị Trần Thị L là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), anh Đỗ Hữu C là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), anh Trương Như T là 50.000.000 (năm mươi triệu đồng) và chị Bùi Thị Ch là 15.000.000 đồng cần truy thu xung quỹ Nhà nước.

Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là tiền phát sinh từ việc phạm tội nên truy thu của bị cáo để sung quỹ nhà nước, cụ thể truy thu của Th số tiền bị cáo thu lời 20% từ thời điểm bị cáo thực hiện hoạt động phạm tội cho đến khi bị bắt số tiền là 20.083.332đ đồng.

Về án phí: Vì bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2, 3 Điều 201, điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự;

Tuyên bố bị cáo Trương Văn Th phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt: Bị cáo Trương Văn Th: 06 (Sáu) tháng tù. Được trừ đi thời hạn tạm giữ từ ngày 05/4/2023, tạm giam từ ngày 11/4/2023 đến ngày 03/7/2023. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Phạt bổ sung bằng tiền: 30.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng)

* Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Trương Văn Th phải trả lại cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có tên sau với các khoản tiền thu lãi vượt quá 20%, cụ thể:

1. Anh Đỗ Hữu C: 22.000.000 đồng.
2. Chị Trần Thị L: 21.333.333 đồng.
3. Anh Phạm Văn Nh: 8.000.000 đồng
4. Chị Bùi Thị Ch: 40.000.000 đồng.

* Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng) là tiền dùng làm phương tiện phạm tội gồm:

- + Bị cáo Trương Văn Th 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng)
- + Chị Trần Thị L 10.000.000đ (Mười triệu đồng)
- + Anh Đỗ Hữu C là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng)
- + Anh Trương Như T 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng)
- + Chị Bùi Thị Ch 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

- Truy thu sung quỹ nhà nước số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là tiền phát sinh từ việc phạm tội của Trương Văn Th với số tiền là 20.083.332đ (Hai mươi triệu không trăm tám mươi ba nghìn ba trăm ba mươi hai đồng).

* Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình 2015; Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trương Văn Th phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

* Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND h.Hậu Lộc;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS h.Hậu Lộc;
- Công an h.Hậu Lộc;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- UBND TT L;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lường Thị Hoa

